



Thư dịp lễ Hiện Xuống 2011
của Đức Tổng Viện Phụ Mauro-Giuseppe Lepori
gửi cho toàn Dòng Xitô

“Ông cứ về đi, con ông sống”

Anh chị em rất thân mến!

Tĩnh tâm ở miền cao 4000 mét

Trong khoảng thời gian tôi ở Bolivia, sau chuyến viếng thăm tất cả các cộng đoàn của chúng ta ở Brasil, các nữ đan sĩ của chúng ta tại đan viện La Paz, những con người đầy niềm tin và kiên cường đang điều khiển một trường học lớn gồm 4500 học sinh, họ đã đưa tôi đến điền trang Achocalla của họ để nghỉ ngơi một ngày, để tận hưởng bầu không khí trong lành của miền đồi núi, một vùng cao khoảng 4000 mét, nơi người ta có thể chiêm ngưỡng dãy núi Illimani hùng vĩ vươn cao hơn 6000 mét. Một ngày tĩnh tâm giúp tôi nhớ lại tất cả những cuộc gặp gỡ, suy tư nhiều về những kinh nghiệm tôi có được khi sống ở xứ sở Brasil rộng lớn và năng động này, cũng như nghĩ lại về những kinh nghiệm qua bảy tháng ở chức vụ Tổng Viện Phụ của dòng. Dù bất cứ ở nơi đâu, Thiên Chúa đã ban cho tôi niềm vui được gặp gỡ những con người, những cộng đoàn, từ đó mỗi dây hiệp thông, tình bằng hữu, tình huynh đệ được nảy sinh. Khi mỗi dây bằng hữu huynh đệ nảy sinh, trái tim của tôi được đong đầy bởi niềm hy vọng, cũng như bởi những thách đố gay go nhất.

Sự hiệp thông Kitô giáo hàm chứa một nghịch lý, bởi vì khi tình bằng hữu thấp lùn niềm hy vọng cũng là chính lúc làm cho chúng ta nhạy bén nhận ra những vấn nạn và những gian nan của những con người mà Chúa cho chúng ta gặp gỡ, và tất nhiên cũng khơi lên cảm giác về sự bất lực khi không thể giúp đỡ, khuyên giải họ một cách hiệu quả. Giữa bầu không khí dịu mát của điền trang Achocalla, trước mặt Thiên Chúa, tôi tự chất vấn mình rằng tình trạng mâu thuẫn căng thẳng thường có nơi các cộng đoàn của chúng ta đòi hỏi gì nơi tôi và nơi tất cả chúng ta. Tin Mừng của ngày hôm trước lại trở về trong tâm trí tôi, tin mừng thánh Gioan chương 4, 46-54, trong đó một sĩ quan cận vệ của nhà vua bôn chôn lo lắng trước cơn bệnh của người con trai, đã tới gặp Đức Giêsu và xin người đi với ông đến Capharnaum chữa cho nó. Ban đầu, Đức Giêsu có chút tức giận, dường như người cảm thấy mình bị khai thác bởi những cuộc tìm kiếm không ngừng để xin phép lạ, cũng như có lúc người cảm thấy mệt mỏi khi làm nhiều phép lạ mà người dân không hề có lòng tin vào người, người cảm thấy chán nản khi nhận thấy rằng mọi người muốn những phép lạ của người mà không muốn Người: “Các ông mà không thấy dấu lạ điếm thiêng thì các ông sẽ chẳng tin đâu!” (4,48).

Viên sĩ quan nài nỉ, và người ta có thể cảm thấy rằng lời nài xin ấy đã đến mức nhún nhường, khẩn khoản và hèn mọn nhất: “Thưa Ngài, xin Ngài xuống cho, kẻo cháu nó chết mất!” (4,49). Còn gì khốn cùng và bất lực hơn nỗi đau của một người cha khi không thể làm được gì cho người con trai yêu của mình đang chờ chết?

Đối diện với lời kêu xin trong cơn tuyệt vọng ấy, Đức Giêsu bây giờ đã làm ông ta kinh ngạc bởi lời nói đầy quả quyết: “ông cứ về đi, con ông sống!” (4,50).

Chúng ta hãy tưởng tượng nỗi khốn cùng của người cha đang bồn chồn lo lắng. Đức Giêsu đã báo cho ông biết một điều mà ông đang khát khao hơn tất cả mọi thứ trên đời. Và Người đã cho ông ta biết điều đó như một thực tại đã được hoàn thành, như sự kiện đã xảy ra. Con trai của ông ta đã được chữa lành, con trai của ông sống!

Lúc này, đối với viên sĩ quan, đây cũng chỉ là một lời loan báo. Đối diện với ông chỉ có Đức Giêsu và lời hứa chữa lành. Thế nhưng, lúc này niềm tin đã trỗi dậy nơi viên sĩ quan căn vệ của nhà vua, và một hành trình mới đã mở ra cho cả cuộc đời của ông: “Ông tin vào lời Đức Giêsu nói với mình, và ra về” (4,50).

Niềm tin là một hành trình mà hướng đi và sức mạnh của nó chính là sự hiện diện và lời của Đức Giêsu. Đó là một hành trình của sự nghèo khó bởi vì con người này không còn có gì hơn ngoài một lời loan báo, một lời nâng đỡ và định hướng cho ông. Mọi thứ bảo đảm khác đều vô hiệu. Tất cả hành trình của cuộc đời ông được gắn chặt với lời của Đức Kitô.

Lời sự sống

Tại sao chúng ta thường thấy mệt mỏi khi sống mỗi tương quan thường nhật với lời của Chúa, chẳng hạn như lời Chúa trong phụng vụ, trong việc đọc sách thiêng liêng? Có lẽ là chính tại vì chúng ta không đủ ý thức rằng lời của Đức Kitô là lời sự sống. Chúng ta không ý thức về điều này bởi vì khi chúng ta hướng Đức Giêsu, chúng ta đã không thực sự nài xin người sự sống như viên sĩ quan hoàng gia trong đoạn tin mừng này.

Quả thực, Đức Ki-tô đã công bố cho chúng ta biết về sự sống, và luôn mãi báo cho chúng ta hiểu về sự sống. Mọi lời của Người được trao cho chúng ta để chúng ta sống, và để những ai ở bên chúng ta cũng được sống.

“Ông cứ về đi, con ông sống!”

Đây là lời đúc kết sứ điệp Ki-tô giáo. Đức Giê-su Ki-tô ban sự sống cho những người chúng ta yêu quý nhất. Và như thế Người cũng ban sự sống cho chính chúng ta. Đối với người cha này, sự sống của đứa con là sự sống của ông, là chính sự phong phú của đời ông. Cam đoan về sự sống của đứa con, Đức Giê-su làm hồi sinh và phần chấn tỉnh phụ tử nơi người cha, thêm sức mạnh cho trái tim đau khổ của ông, mang lại ý nghĩa cho cuộc đời ông, cho công việc của ông và cho cả gia đình của ông.

“Ông cứ về đi, con ông sống!”. Dựa vào lời này, lặp lại không ngừng, con người này đã khởi hành trong niềm tin và hy vọng. Đối diện với mọi cảm dỗ không tin rằng đây là lời chân thật, rằng đây chẳng qua chỉ là ảo tưởng, người đàn ông đã lặp lại những lời sự sống này và đã khám phá ra rằng, trong tâm hồn ông, lời của Đức Giê-su đã trở thành như một nguồn mạch trào tuôn niềm hy vọng, lòng tin cậy, niềm hân hoan; nguồn mạch ấy đã biến đổi khước nhìn của ông về con người và về những sự vật mà ông gặp trong hành trình cuộc sống. Lặp lại lời đó, mặt trời bỗng tỏa sáng hơn, bầu trời như trong xanh hơn, những cánh đồng như thêm sắc vàng, những vườn ô liu như mạ thêm ánh bạc, và những con người mà ông gặp trên đường như sống động hơn, đẹp đẽ hơn, thân thiện hơn, gắn bó mật thiết hơn với định mệnh cuộc đời của ông. Niềm hy vọng sự sống mà lời của Đức Giê-su đã đặt vào trái tim của ông không chỉ dành cho con trai của ông. Đó là niềm hy vọng cho tất cả mọi người, một niềm tin sống động cho tất cả.

Tại sao lại như thế? Bởi vì lời ấy luôn đưa con người trở lại với sự hiện diện của Đức Ki-tô, với dung mạo của Người, trở lại với Đấng đã công bố lời sự sống ấy và làm cho lời ấy trở nên mạch sống thường hằng. Lời ấy luôn mãi là lời của Đức Ki-tô, dù cho con người có xa cách Người về thể lý. Đức Ki-tô là Ngôi Lời sự sống luôn luôn hiện diện và sống động trong từng lời nói của Người.

Và giờ đây, giữ lấy lời của Đức Ki-tô, viên sĩ quan cận vệ không chần chờ, ông trở về nhà để vui hưởng hoa trái của niềm tin. Những gia nhân “đã đón gặp ông”. Và họ đã nói với ông điều gì? Họ đã lặp lại từng chữ lời sự sống của Đức Giê-su: “con ông sống rồi!” (4,51).

Những ai mang lấy lời của Đức Ki-tô với niềm tin, thì thực tại sẽ đến với người ấy để xác nhận rằng lời ấy là sự thật, lời ấy không chỉ là một lời, mà là một sự kiện, một biến cố.

“Ông cứ về đi, con ông sống!”

Thiết nghĩ rằng chúng ta cần phải mang lấy lời này bên mình trong cuộc hành trình cuộc sống của mỗi cá nhân, của toàn dòng chúng ta và của toàn giáo hội. Chúng ta cần biết rằng niềm tin là sự sống và gắn liền với sự sống. Chúng ta cần biết niềm tin làm cho chúng ta chân nhận và đón nhận sự sống mà Đức Ki-tô ban cho chúng ta, và Đức Ki-tô cũng chính là sự sống của chúng ta.

Cho đến nay, khi thăm viếng và gặp gỡ các cộng đoàn của dòng ở Âu Châu và Châu Mỹ La tinh, tôi luôn nhận thấy rằng nguyên nhân cuối cùng của những vắn nạn và những bất ổn của những cá nhân hay của các cộng đoàn chính là từ chối sự sống mà Đức Giê-su Ki-tô ban cho chúng ta. Niềm tin vào hồng ân này trở nên quá yếu ớt so với những vắn nạn người ta đang gặp phải; và lời sự sống mà Đức Ki-tô nói với chúng ta - đã loan báo cho chúng ta ngay từ thuở khi chúng ta bắt đầu dãi bước theo Người, và Người vẫn còn lặp lại luôn mãi bởi vì đây là lời vĩnh cửu – đã bị làm câm nín, bị bóp nghẹt trong trái tim của chúng ta và cả trong sự đối thoại giữa chúng ta, do bởi tiếng ồn ào của những lựa chọn chết chóc, hay do tiếng ồn ào của những lựa chọn đội lốt sự sống, nhưng lại giết hại sự sống tròn đầy và vĩnh cửu mà chính Thiên Chúa đã ban cho chúng ta.

Ai là người ước ao sự sống?

Thánh Biển Đức đã tóm tắt ơn gọi của chúng ta như lời mời gọi đến hưởng sự sống và hạnh phúc mà Chúa hứa ban cho chúng ta. Trong lời mở đầu của Tu luật, thánh phụ đã viết rằng Thiên Chúa tìm kiếm chúng ta giữa đám đông và Người hô lớn: “ai là người khao khát sự sống và ước ao nhìn thấy những ngày hạnh phúc?” (Tu luật, Lời mở đầu, 14-15; Tv 33,12). Thiên Chúa đã tìm chúng ta từ giữa đám đông để cho chúng ta sự sống, và tiếng hô to của Người giữa đám đông tựa như lời khẩn khẩn của viên sĩ quan đang van xin Đức Giê-su chữa lành cho con trai của mình. Thiên Chúa mang nặng mối âu lo ban cho chúng ta “sự sống, sự sống thật và vĩnh cửu” (Tu luật, lời mở đầu, 17).

Chỉ khi nào chúng ta nói “xin vâng!”, khi nào chúng ta nói “này con đây”, “con muốn sống”, lúc đó chúng ta mới thực sự đáp trả lời mời gọi của Thiên Chúa, đáp trả ơn gọi của chúng ta. Ơn gọi của chúng ta trước tiên là một niềm ao ước, khát vọng một Thiên Chúa, Đấng muốn ban sự sống cho nhân loại.

Nhưng thánh Biển Đức cũng nói với chúng ta rằng Thiên Chúa gọi những con người khao khát sự sống như những “người thợ” (Lời mở đầu, 14). Điều này có nghĩa gì? Nghĩa là sự sống thật và vĩnh cửu, cùng với niềm hạnh phúc cũng đòi hỏi công sức cố gắng từ phía chúng ta. Sự sống và hạnh phúc là hồng ân của Chúa, nhưng hồng ân đó không ngang qua sự thụ động của chúng ta, nhưng ngang qua hành động tự do của chúng ta.

Công việc căn bản của tự do chính là chọn lựa, chúng ta phải chọn lựa. Chúng ta có thể làm tốt hay xấu, chọn lựa sự thiện hay sự dữ, trở nên những người thợ tốt hay tồi, ngay cả khi Thiên Chúa đã tuyển dụng chúng ta vào việc phục vụ cho sự sống và hạnh phúc, một công việc trong Vương Quốc của Người, một công việc của Phúc Âm, một công của chính Thiên Chúa trong thế giới này.

Tôi kinh ngạc khi thấy rằng nhận thức này bị quên lãng ngay trong đời sống của các cộng đoàn. Thường thì người ta làm rất nhiều việc, bận tâm đến nhiều vấn đề, vun đắp thật nhiều mối tương quan, thật nhiều mối liên hệ, dĩ nhiên không chỉ có nơi các đan viện chuyên lo những hoạt động mục vụ hay giáo dục. Nhưng trong tất cả những dân thân này, người ta không luôn luôn nhận thức rằng đây là dân thân cho công trình của Thiên Chúa, Đấng là sự sống và hạnh phúc của con người. Người ta chọn rất nhiều điều, ngay cả những điều tự bản chất là tốt đẹp và rất tốt nữa là khác, nhưng những lựa chọn ấy hầu như chỉ là thể thân cho lựa chọn “sự sống thật và vĩnh cửu” mà thôi.

Quả thật, người thợ mà Thiên Chúa tìm kiếm phải là người thợ làm công việc *của Người*, việc của Chúa, chứ không phải việc của chúng ta, và chúng ta hạnh phúc làm việc ấy bởi vì công việc của Chúa là sự sống và hạnh phúc của con người và của toàn nhân loại.

Tôi thường thấy rằng, trong các cộng đoàn, nơi từng cá nhân và nơi chính bản thân tôi, sự lựa chọn công việc của chúng ta cuối cùng lại thắng thế sự lựa chọn công việc của Chúa. Chúng ta lựa chọn công việc của chính mình, chúng ta chọn trở nên người thợ phục vụ chính mình khi chúng ta để cho cơn khát quyền lực, quyền tự trị và cá nhân chủ nghĩa thắng thế trong những lựa chọn của chúng ta.

Tại sao chúng ta lại cần những điều này? Rõ ràng, trong chúng ta còn mang cội rễ của tội, khuynh hướng nổi loạn chống đối Thiên Chúa và kế hoạch của Người. Nhưng Đức Ki-tô giúp chúng hiểu ra rằng vấn đề hệ tại ở chỗ là chúng ta thiếu đức tin. Chúng ta không tin tưởng vào công trình của Chúa, chúng ta không thực sự tin rằng lựa chọn công việc của Chúa là một lựa chọn sự sống và hạnh phúc cho chúng ta. Chúng ta tự hài lòng với những vui thú mong manh và chóng qua khi được một chút quyền hành, một chút thoải mái, tự tạo cho mình một “vương quốc” nhỏ hẹp để thống trị, mọi sự phải nằm trong trong lòng bàn tay của chúng ta. Việc của Chúa và Nước Chúa dường như không mấy đáng tin cậy và phong phú để chúng ta từ bỏ những thứ khác.

Phần tốt nhất

Nhưng chúng ta cứ mãi bắt bệnh và không bao giờ hài lòng. Tôi đã thấy biết bao nhiêu sự bất hạnh nơi các cộng đoàn của chúng ta! Bao nhiêu là chia rẽ! Thật sự, nếu chúng ta hiệp nhất với nhau để thi hành công việc của Chúa, Đấng trao cho mỗi người một vị trí, một nhiệm vụ, một ơn gọi tình yêu, chúng ta sẽ thực sự hạnh phúc, trái lại nếu chúng ta sống cho công việc của chúng ta, sự chia sẻ và trao ban không thể nào tồn tại được nữa. Đến một mức nào đó, chúng ta cần những người đồng lõa với mình, cùng phe nhóm với mình, biến họ thành những kẻ nô lệ, chứ không còn là anh em, chị em, bằng hữu để cùng nhau chia sẻ những khó khăn cũng như niềm vui khi thi hành công trình vô hạn của Chúa.

Tại Chi-lê, có một vùng được gọi là “*Peor es nada - Không có gì tệ hơn*”. Có lẽ đây là một lời bình luận chua chát về người con út trong số các anh em của một gia đình địa chủ, khi người ta thấy đất đai được giao cho anh ta để làm gia sản thừa kế.

Đôi khi, tôi có cảm tưởng là rất nhiều anh chị em của chúng ta định nghĩa rằng đời sống cộng đoàn, ơn gọi Xi-tô là dành riêng cho họ. Chúng ta nghĩ là “phần tốt nhất” (Lc 10,42) được dành riêng cho chúng ta, và chúng ta được hứa ban thưởng “gấp trăm lần cùng với sự sống đời đời” (x. Mc 10,30). Những người khác thì *peor es nada!*

Như vậy, làm thế nào để phục hồi sự sống và hạnh phúc trong đời sống ơn gọi? Làm thế nào để lấy lựa chọn công việc của Thiên Chúa như phần tốt nhất cho vận mệnh của chúng ta? Làm thế nào để canh tân lời xin vâng của chúng ta với Thiên Chúa, Đấng mời gọi chúng ta, trong Đức Giê-su Ki-tô, chọn lựa sự sống thực và vĩnh cửu, chọn lựa một cuộc sống hạnh phúc cho chính mình và cho cả thế giới?

Trước tiên, chúng ta không cần phải “sốc” khi đối diện với sự nhỏ nhen và nỗi khổn cùng của bản thân và của người khác. Đức Ki-tô đến để mang ơn cứu độ cho những người tội lỗi: “người khỏe mạnh không cần thầy thuốc, người đau ốm mới cần. Tôi không đến để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi” (Mc 2,17).

Những phê bình, chỉ trích lẫn nhau thường xảy ra trong các cộng đoàn đều xuất phát từ cái “sốc” trước sự yếu đuối mang tính cơ cấu của chúng ta, đều do sự thiếu lòng tin vào Đức Ki-tô, Vị Thầy thuốc luôn có thể chữa lành tất cả chúng ta. Những lúc này đây, những người môn đệ gần gũi Đức Ki-tô nhất lại là những kẻ thiếu lòng tin, thiếu can đảm, thiếu sự khôn ngoan, thiếu sự vô vị lợi. Nào là tham vọng, nhỏ nhen; nào là thèm khát quyền hành, nào là yếu đuối, mỏng dòn. Chúng ta mang kho tàng ơn gọi Ki-tô hữu và ơn gọi đan tu trong chiếc bình sành dễ vỡ (x. 2Cr 4,7), kho tàng ấy không bao giờ biến bình sành thành bình vàng được. Nhưng chiếc bình chỉ giá trị khi nó chứa đựng kho tàng. Nếu để mất đi kho tàng, chiếc bình không đáng gì hơn cục đất sét.

Kho tàng ấy là gì?

Thánh Phaolô diễn tả nó cách tóm tắt một cách tuyệt vời: “quả thật, xưa Thiên Chúa đã phán: ‘Ánh sáng hãy bùng lên từ nơi tối tăm’, Người cũng làm cho ánh sáng chiếu soi lòng trí chúng tôi, để tỏ bày cho thiên hạ được biết vinh quang của Thiên Chúa rạng ngời trên khuôn mặt Đức Ki-tô” (2 Cr 4,6).

Kho tàng đó chính là sự hiểu biết vinh quang Thiên Chúa trên khuôn mặt Đức Ki-tô. Kho tàng ấy chính là Dung Nhan Thiên Chúa, Đấng đã mạc khải cho chúng ta tất cả ánh sáng rạng ngời của Ba Ngôi, Đấng đã vì yêu thương tác tạo nên vũ trụ trong ánh sáng, và khải thị cho tâm hồn chúng ta qua cái nhìn của Con Thiên Chúa làm người. Kho tàng ấy là cái nhìn của Đức Giê-su dành cho người thanh niên giàu có và mời gọi anh ta đi theo Ngài với tâm hồn thanh thoát: “Đức Giê-su đưa mắt nhìn anh ta và đem lòng yêu mến. Người bảo anh ta: ‘anh chỉ thiếu có một điều, là hãy đi bán những gì anh có mà cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy đến theo tôi’” (Mc 10,21).

Người thanh niên giàu có đã từ chối lời mời gọi đến hưởng sự sống tròn đầy, sự tự do, hạnh phúc trong môi trường quan thường hằng với Đức Ki-tô: “nghe lời đó, anh ta sa sầm nét mặt và buồn rầu bỏ đi, vì anh ta có nhiều của cải” (Mc 10,22).

“Anh buồn rầu bỏ đi”. Vấn đề thực sự ở đây không phải vì anh quá dính bén với của cải, nhưng là vì anh đã bỏ đi, đã xa rời Đức Ki-tô, trốn tránh cái nhìn của Người, tránh mặt Người, và như vậy là chối bỏ kho tàng đích thật của cuộc đời anh, kho tàng sẽ giúp anh thấu suốt được sự hư ảo và tính phù du của tất cả tài sản mà anh có. Người thanh niên giàu có đã không lưu lại bên Dung Nhan của Chúa, Đấng đang nhìn anh và đem lòng yêu mến anh. Đây mới thật sự là sự phản bội ơn gọi đi theo Đức Giê-su Ki-tô.

“Hãy dừng lại và các ngươi sẽ biết Ta là Chúa”

Chúng ta đã đáp lời xin vâng nhưng liệu chúng ta có thật sự lưu lại bên Thánh Nhan Người không?

Chưa bao giờ tôi cảm thấy rằng chúng ta cần phải bắt đầu dừng lại cho bằng khi tôi được bầu làm Tổng Viện Phụ. Người ta chỉ tái xuất hành khi đã từng dừng lại. Và hơn bao giờ hết, lúc này, tôi nhận ra tầm điểm phương pháp luận của thánh Biển Đức là dừng lại để rồi tiến bước trong sự hiện diện của Thiên Chúa, trong bàn tay của Thiên Chúa, để chính Người dùng chúng ta như những khí cụ, như những người thợ cho công trình của Người, cho Nước Người. Tôi tái khám phá ra tầm quan trọng thiết yếu của những dòng đầu tiên của chương 43 trong tu luật thánh Biển Đức, đối với ơn gọi của tôi cũng như của toàn dòng: “Đến giờ Thần vụ, khi vừa nghe hiệu, hãy bỏ hết mọi thứ trong tay, và nhanh chân đến dự, nhưng phải luôn nghiêm trang để tránh gây chia trí. Không lấy gì quý hơn Việc Chúa” (Tu luật 43,1-3)

Bình thường, trong các đan viện của chúng ta, người ta nghĩ rằng tham dự Thần Vụ thiết yếu là vấn đề của sự quân bình giữa công việc và cầu nguyện. Chúng ta luôn nghĩ rằng sự quân bình trong đời sống của chúng ta và của cộng đoàn hệ tại ở mối tương quan giữa công việc *của chúng ta* và lời cầu nguyện *của chúng ta*. Trái lại, theo thánh Biển Đức, vấn đề và sự lựa chọn không dao động ở tầm mức này, ở tầm mức *của chúng ta*. Đối với ngài, đây không phải là sự lựa chọn giữa hai hoạt động mà chúng ta phải chu toàn. Trái lại ngài đề cập đến mối tương quan giữa công việc của con người và công việc của Thiên Chúa, ngài nói đến sự lựa chọn giữa cái chúng ta làm và cái Thiên Chúa làm. Rõ ràng, Thần Vụ không phải là tất cả Việc của Chúa, nhưng là một thao tác huấn luyện mà thánh Biển Đức cài gấn vào trong ngày sống của chúng ta để giúp chúng ta biết lựa chọn Việc của Chúa giữa bao công việc chúng ta làm, hay nói đúng hơn: để giúp chúng ta biết cài gấn chính bản thân mình và mọi công việc của mình vào trong Việc của Chúa. Tu luật đã quy định cho chúng ta những giờ chúng ta ngừng công việc của mình, để sự tự do của chúng ta được huấn luyện thuận theo những điều Thiên Chúa làm, thuận theo ý Chúa, Đấng sáng tạo và làm cho sống động, thuận theo Thánh Thần, “Người là Chúa và là Đấng ban sự sống” (*Kinh Tin Kính*).

Mac-ta đã nói với cô em Maria: “Thầy đến rồi, Thầy gọi em đây!” (Ga 11,28), vị Thầy này chính là Chúa, là “sự sống lại và là sự sống” (11,25).

Những anh chị em sao lãng, tự ý bỏ tham dự giờ cầu nguyện, ngay cả cử hành Thánh Thể, có lẽ đã không ý thức đủ rằng đó không chỉ là những cử hành phụng vụ, mà còn là sự sống mới mà Thiên Chúa luôn muốn tái thiết nơi chúng ta và trong tất cả những gì chúng ta làm.

Trong đoạn tu luật này, thánh Biển Đức đã dùng lại những thuật ngữ của Tin Mừng nói về ơn gọi của những môn đệ tiên khởi: “họ bỏ tất cả [*relictis omnibus*] những thứ trong tay và nhanh chân đến [*summa cum festinatione curratur*]”. Làm sao chúng ta lại không cảm thấy vang vọng lại tiếng gọi của Chúa dành cho Phê-rô và An-rê, Gia-co-bê và Gio-an, Mat-thê-ô, người thu thuế, hay cho bà Maria ở Bê-ta-ni-a, họ đã bỏ tất cả những thứ trong tay, nào là chài lưới, tiền bạc, nhà cửa và bao vấn đề khác để theo Chúa trong niềm hân hoan? Thần Vụ vừa đưa chúng ta đến với Đức Ki-tô, vừa canh tân thực tại phúc âm trong đời sống ơn gọi theo Chúa của chúng ta.

Nếu chúng ta còn chần chừ, còn trốn tránh bởi vì chúng ta không chấp nhận bỏ “tất cả những thứ chúng ta có trong tay”. Tất cả chúng ta đều có khuynh hướng nắm chặt những sự vật và cả những con người trong lòng bàn tay của mình và không chịu buông. Nào là những mối tương quan, công việc, trách nhiệm, những quyền lợi, những dự định, và cả chính bản thân nữa... đôi khi chúng ta quá gắn chặt với những thứ ấy đến mức chúng ta như đang “xiết cổ” chính mình, bóp chết chính sự sống của bản thân. Vì sợ vụt mất sự sống, chúng ta lại bóp nghẹt nó.

Thánh Biển Đức mời gọi chúng ta hãy để đôi bàn tay trống rỗng. Và mời gọi chúng ta sống điều này như một ngày lễ hội: “*summa cum festinatione curratur*”¹. Cần phải say mê Việc Chúa, như những đôi tình nhân chạy nhanh đến điểm hẹn để gặp người mình yêu. Cần phải khát khao sự sống như “con nai khát nhanh chân tìm đến mạch suối” (Tv 41,2).

“Không lấy gì quý hơn Việc Chúa” (Tu luật 43,3). Cái mình thích hơn luôn là một lựa chọn; một lựa chọn làm phát sinh tính diêu kỳ của cái chiếm ưu thế hơn. Cái mà người ta thích hơn luôn là cái được đặt ở vị trí đầu tiên. Nếu Việc Chúa được yêu chuộng hơn, thì sự diêu kỳ đó là: Việc Chúa vượt thắng tất cả mọi thứ, chiếm ưu thế trên cả cuộc sống của chúng ta, trên những công việc của chúng ta, những

¹ Trong tiếng La-tinh hiện đại, người ta có thể nhận thấy sự đồng âm của hai thuật ngữ “*festus*” (lễ hội) và “*festinatio*” (vội vàng) [*chú thích của người dịch*].

kế hoạch của chúng ta, những mối tương quan của chúng ta, vượt trên tất cả những gì chúng ta *là* và tất cả những gì chúng ta *làm*. Tất cả sẽ được biến đổi trong Việc Chúa, nghĩa là tất cả trở nên sự sống, bởi vì Việc Chúa là sự sống vĩnh cửu.

Quả đúng là trong các cộng đoàn của chúng ta còn nhiều vấn nạn, nhiều điều đáng than trách. Điều này cũng đúng cho cả toàn dòng, và cả Giáo hội nữa. Về phương diện nhân loại, đây quả là điều đáng lo lắng. Chúng ta sống trong cảm giác âu lo, nắm chặt những buồn phiền trong tay. Chúng ta thất vọng, không còn yêu mến Đức Ki-tô và Việc của Cha, tức là không cho phép Thiên Chúa can thiệp, không đặt vào tay Người những âu lo, những sai lỗi.

Viên sĩ quan cận vệ của nhà vua trong tin mừng Gioan (4,46-54) rời xa đứa con trai hấp hối để đến với Đức Giê-su. Khoảng cách từ Cafanaum đến Cana xứ Galilê cần phải mất cả ngày đường. Cho nên, xa người con đối với ông chắc hẳn là một nỗi đau đớn tựa như Abraham hiến tế con mình, nhưng đây là một hành động của niềm tin, một hành động giúp ông gặp lại đứa con yêu mạnh khỏe, và sống động. Vì con trai, người cha này đã trở nên một dụng cụ trong công trình của Đức Ki-tô, Đấng là sự sống lại và là sự sống.

Thấy lòng tin của ông, Đức Giê-su đã trả lại cho ông gấp trăm lần quyền làm cha. Làm cha là gì, nếu không phải là cho người con sự sống? Người cha này đã buông hai tay của mình vốn trước kia muốn giữ chặt đứa con trai, và đã trao cho Đức Giê-su đôi bàn tay trắng trống rỗng, bất lực; nhưng với niềm tin, ông đã nhận được ân huệ làm cha từ chính Đức Ki-tô, và như thế ông thực sự là một người cha hơn trước kia cả trăm lần, bởi vì chỉ Đức Ki-tô mới có thể làm cho ông nên khí cụ sự sống.

Chúng cũng được mời gọi trở nên như thế trong tất cả những gì chúng ta phải là và phải làm.

Từ căn nhà làng Emmau đến Nhà tiệc ly thành Giêrusalem

Thánh Biển Đức mời gọi chúng ta dừng lại không chỉ để cầu nguyện: nhưng là cầu nguyện cùng với nhau. Dừng lại để đi vào mối hiệp thông với Thiên Chúa và tình hiệp thông huynh đệ.

Đây là Việc Chúa mà thánh Biển Đức mời chúng ta tham dự, đó cũng là công việc của Giáo Hội sơ khai: “bấy giờ các ông từ núi gọi là núi Ô-liu trở về Giêrusalem. Núi này ở gần Giêrusalem, cách đoạn đường được phép đi trong ngày sa-bát. Trở về nhà, các ông lên lầu trên, là nơi các ông trú ngụ. (...). Tất cả các ông đều đồng tâm nhất trí, chuyên tâm cầu nguyện cùng với mấy người phụ nữ, với bà Maria thân mẫu Đức Giêsu, và với anh em của Đức Giê-su” (Cv 1, 12-14).

Mới đây, khi ở Ba Lan, tôi đã suy niệm đoạn tin mừng về hai môn đệ trên đường Emmau. Tôi được đánh động rất nhiều về chuyến trở về Giê-ru-sa-lem của hai môn đệ, đây là một cuộc hoán cải đã đưa họ từ đời sống cá nhân đến đời sống của cộng đoàn quy tụ ở nhà Tiệc Ly, nghĩa là từ nhà riêng của họ trở về với đời sống chung ở nhà Tiệc Ly. Tại Emmau, Đấng Phục Sinh đã vụt biến mất khi đôi mắt của họ vừa nhận ra Người, nên họ đã chạy đi tìm lại sự hiện diện của Người giữa những anh chị em đang quy tụ ở Nhà Tiệc Ly.

Sau cái chết thảm thương của Thầy, hai môn đệ trên đường Emmau đã rời bỏ Giê-ru-sa-lem, bỏ cộng đoàn các môn đệ của Đức Ki-tô, và không biết làm gì cả. Ban đầu họ là những người môn đệ vì họ đã từng từ bỏ mọi sự để theo Đức Ki-tô và đã trung thành với Người cho đến phút cuối. Nhưng khi Người chết, họ đã mất điểm quy chiếu cho ơn gọi của họ. Sau vài ngày lưỡng lự và sợ hãi, họ quyết trở về nhà của họ ở Emmau, trở về với những hoạt động quen thuộc của họ. Đối với họ, Đức Giê-su chỉ còn là một kỷ niệm, một kỷ niệm buồn bởi họ rất kỳ vọng nơi Người, và tất cả đều sụp đổ khi niềm hy vọng của họ không được đáp ứng.

Chúng ta cũng bị cám dỗ để hành động như họ. Ngày mà chúng ta bước vào đan viện, chúng ta ước mong bước theo Đức Giê-su Ki-tô và ở lại với Người luôn mãi; nhưng với thời gian, những mong mỏi của chúng ta chỉ còn lại là những chán nản, thất vọng, và dần dần chúng ta muốn trở về Emmau, về với cuộc sống trước kia, về với những dự tính cá nhân, trở về với những mưu toan ích kỷ, cách sống riêng tư, tự sắp xếp thời gian, công việc, tiền bạc, những mối tương quan và ngay cả việc cầu nguyện nữa. Chúng ta tự trấn an mình bằng nhiều lý do và nói với chính mình rằng chúng ta làm tất cả những điều đó vì Đức Ki-tô, để phục vụ cộng đoàn và Giáo hội hay để cứu độ các linh hồn. Và như thế, dường như chúng ta thấy không cần thiết phải liên kết với những người mà với họ và qua họ, chúng ta mới thật sự gặp gỡ Đức Ki-tô, bước theo Người và lắng nghe Người. Chúng ta xa rời thành Giê-ru-sa-lem, xa rời nhà Tiệc Ly, xa rời nơi mà Đức Ki-tô đã hứa cho chúng ta sự Sống Lại và hồng ân Thánh Thần, bỏ đi khỏi nơi chúng ta được hiệp nhất với các Tông Đồ, với Đức Maria và với những môn đệ khác.

Ban đầu, chúng ta cảm thấy được chút tự do và phần chẵn khi sống xa rời cộng đoàn; vì thiếu Đức Giê-su, cộng đoàn ấy sẽ nghèo nàn và khốn cùng hơn trước kia. Nhưng nẻo đường riêng mà chúng ta đi, rời thành Giê-ru-sa-lem để về Emmau, chỉ mang lại cho chúng ta nỗi ưu sầu và sự vô nghĩa. Chúng ta nói thật nhiều, làm thật nhiều việc, bận tâm thật nhiều vấn đề, nhưng tất cả những việc ấy thiếu đi ý nghĩa, giá trị, bình an và niềm vui.

Cuộc sống trở nên căn cỗi, chỉ một mình chúng ta quanh quẩn với những dự tính cá nhân, những công việc riêng tư. Mặc dầu Đức Giê-su đã sống lại nhưng chúng ta vẫn không tin, chúng ta còn hoài nghi, dường như Đức Ki-tô không thể nào là nguồn sống của chúng ta: “phần chúng tôi, trước đây vẫn hy vọng rằng Người là Đấng sẽ cứu chuộc Israel. Hơn nữa, những việc ấy xảy ra đến nay là ngày thứ ba rồi. Thật ra cũng có mấy người đàn bà trong nhóm chúng tôi đã làm chúng tôi kinh ngạc. Các bà ấy ra mộ hồi sáng sớm, không thấy xác Người đâu cả, về còn nói là đã thấy thiên thần hiện ra bảo rằng Người vẫn sống. Vài người trong nhóm chúng tôi đã ra mộ, và đã thấy sự việc y như các bà nói; còn chính Người thì họ không thấy” (Lc 24, 21-24).

Chỉ có một điều mới có thể cứu chúng ta thoát khỏi thứ chủ nghĩa cá nhân buồn chán và căn cỗi này, đó là: Đức Ki-tô đến với chúng ta qua ân sủng, lòng thương xót của Người; sự hiện diện và lời của Người làm trái tim chúng ta rực cháy khát khao ở lại bên Người: “mời ông ở lại với chúng tôi, vì trời đã xế chiều và ngày sắp tàn” (Lc 24,29).

Ân sủng canh tân lòng khát khao của chúng và sự hiện diện của Đức Ki-tô không để cho cuộc đời chúng ta sa vào bóng xế tà của nỗi sầu muộn. Lòng thương xót của Đức Ki-tô luôn trào tràn trên chúng ta cho dù chúng ta có xa tránh Người, Người đến để đem lại cho chúng ta niềm khao khát sự sống tròn đầy, Người muốn ban cho chúng ta sự sống ấy khi chúng ta ở lại trong Người. Và trên hết Người giúp chúng ta nhận ra những tội lỗi của mình, nhận ra ánh sáng Thánh Nhan Người, nhận ra ánh mắt của Người luôn triu mến nhìn chúng ta và yêu thương chúng ta như thuở ban đầu.

Bấy giờ, hai môn đệ trên đường Emmau đã trở về thành Giê-ru-sa-lem, trở lại nhà Tiệc Ly. Đức Ki-tô lại hiện ra trước mắt họ bởi vì họ đã trở về với mối hiệp thông mà chính Người muốn nó phải luôn bền vững nhờ việc cử hành Thánh Thể, lời cầu nguyện chung, hồng ân Thánh Thần, sứ vụ Tông Đồ, và qua sự hiện diện của Đức Maria. Nhà Tiệc Ly là nơi Đức Giê-su, Đấng là Thầy và là Chúa, đã chọn ở vị trí thấp kém nhất, vị trí của một người tôi tớ để rửa chân cho anh em; chính hành động khó nghèo ấy mời gọi chúng ta ý thức rõ sự hèn mọn của chúng ta để không bao giờ muốn thống trị kẻ khác.

Từ làng Emmau trở về thành Giê-ru-sa-lem: đó cũng chính là mời gọi của thánh Biển Đức trong tu luật của ngài. Thánh Biển Đức đã trải qua kinh nghiệm này, sau thời gian sống cô tịch ở hang Subiaco, ngài đã trở về với nhà Tiệc Ly của đời sống cộng tu, nơi mà Đấng Phục Sinh cũng sẽ đến và cũng nói với chúng ta: “các ông còn đang nói, thì chính Đức Ki-tô đứng giữa các ông và bảo: ‘Bình an cho anh em’” (Lc 24,36).

“Ngay cả việc có Thánh Thần, chúng tôi cũng chưa hề được nghe nói”

Nhưng tại sao lại trả giá quá đắt cho một quyết định sống cộng đoàn? Tại sao sự hiệp thông dường như lại kém hấp dẫn hơn so với sự cô độc?

Chỉ cần nhớ lại nguyên nhân cốt yếu tại sao Đấng Phục Sinh trước khi lên trời lại yêu cầu các môn đệ quy tụ lại ở nhà Tiệc Ly. Lý do đó là hồng ân Thánh Thần. Đức Giê-su yêu cầu chúng ta quy tụ bên nhau để lãnh nhận Thánh Thần. Bởi vì Chúa Thánh Thần năng động hóa tình hiệp thông, lời cầu nguyện, sự hiệp thông với anh em và với Thiên Chúa. Thánh Thần là Tình yêu liên kết chúng ta với Chúa và với anh chị em mình. Điều Đức Giê-su đòi hỏi nơi các môn đệ không phải là khả năng cầu nguyện và yêu thương, nhưng là hãy ở lại với nhau trong lời cầu nguyện, như mở ra cho Chúa Thánh Thần một khoảng trống thích hợp với sự viên mãn của tình yêu và lời cầu nguyện, và Chúa Thánh Thần cũng chính là sự viên mãn ấy. Đây là sự dâng hiến đích thực của Ki-tô hữu.

Trái lại, chúng ta cứ mãi nghĩ rằng sự hiệp thông huynh đệ và lời cầu nguyện là nhiệm vụ mà chúng ta phải thực hiện bằng cố gắng của chính chúng ta, và Thiên Chúa như một người giám sát, không làm gì hết ngoài việc đốc thúc kẻ khác làm việc. Một chút gì đó chúng ta giống như nhóm người ở Cô-rin-tô, khi thánh Phaolô hỏi họ đã lãnh nhận Thánh Thần chưa, họ trả lời: “Ngay cả việc có Thánh Thần, chúng tôi cũng chưa hề được nghe nói” (Cv 19,2).

Tu luật thánh Biển Đức thường không nhấn mạnh nhiều đến vấn đề “đặc sủng”. Thế nhưng, những lần thánh nhân đề cập đến Chúa Thánh Thần đều mang một ý nghĩa đặc biệt để cho thấy rằng đời sống đan tu Biển Đức – Xitô phải được bao phủ bởi hơi thở Thánh Linh. Chúng ta không được lãng quên điều này nếu chúng ta muốn sống ơn gọi chúng ta trong hân hoan và trong chân lý.

Chẳng hạn, thánh Biển Đức đề cập đến Chúa Thánh Thần như tặng ân của niềm vui cho đan sĩ trong giai đoạn thử thách của đời sống đan tu: Mùa Chay. Thánh Biển Đức gắn liền “niềm vui của Thánh Thần” với tự do dâng hiến. Sau khi nói “trong mọi lúc, đan sĩ phải giữ đời sống mình như giữ mùa chay” (Tu luật 49,1), ngài thêm rằng “mỗi người hãy tự ý dâng cho Thiên Chúa, trong niềm vui của Thánh Thần, một vài việc lành ngoài những điều đã quy định” (49,6).

Chúa Thánh Thần là sự viên mãn của tâm hồn, tức là niềm vui sẽ đong đầy những khoảng trống tự do mà chúng ta mở ra cho Thiên Chúa. Tự do đích thực không phải là có quyền, nhưng là dâng hiến; không phải là đủ tài năng mà là sẵn lòng; không phải là thu gom, nhưng là rộng mở. Cái thói xấu tồi tệ nhất mà chúng ta có thể sa vào đó là tự cảm thấy mình hoàn thiện, bởi vì nó đóng kín lòng chúng ta đối với Hồng Ân Thánh Thần.

Cũng theo ý tưởng trên, thánh Biển Đức đề cập đến Chúa Thánh Thần ở cuối chương về các bậc khiêm nhường. Khi đan sĩ tiến bước trên những bậc thang khiêm nhường, đan sĩ phải loại bỏ đi những gì là kiêu căng, tự phụ, và cả những sợ hãi. Chúa Thánh Thần sẽ đổ đầy tình yêu vào trong cuộc sống của đan sĩ vì họ biết rộng mở tâm hồn đón nhận ân sủng: “sau khi tiến lên các bậc khiêm nhường này, tức khắc đan sĩ sẽ đạt tới tình yêu Thiên Chúa, đạt đến sự viên mãn và loại bỏ mọi sợ hãi. Cho nên, những gì trước kia họ tuân giữ vì sợ hãi, giờ đây họ bắt đầu có thói quen tuân giữ cách tự nhiên, không còn

khó nhọc nữa, không còn sợ lửa hỏa ngục, nhưng vì tình yêu Đức Ki-tô, nhờ thói quen tốt lành và lòng yêu mến nhân đức. Nhờ tác động của Chúa Thánh Thần, Thiên Chúa sẽ thể hiện những điều này nơi người thợ của Ngài, những người không vương nợ tội xấu và tội lỗi” (Tu luật 7, 67-70).

Vâng, thánh Biển Đức, cũng như các linh phụ, linh mẫu của Xi-tô, biết rằng chỉ có Chúa Thánh Thần, không có Người, chúng ta không thể làm được gì. Vì thế ngài đã hân hoan và mời gọi chúng cùng hân hoan, như đứa trẻ biết rằng cha mẹ không bao giờ yêu cầu nó làm điều gì mà không giúp đỡ nó, và tất cả những gì họ đòi hỏi nó đều là vì ích lợi của nó và để cho nó sống.

Một cách đơn giản, giờ đây, chúng ta hãy tự vấn bản thân rằng, dù trải qua bao năm sống đời Ki-tô hữu, sống đời đan tu, liệu chúng ta có thực sự biết rằng: có Chúa Thánh Thần?. Có lẽ chúng ta còn chưa biết điều đó. Tôi phải thú nhận rằng tôi chưa bao giờ biết đủ điều này. Nhưng ít ra cần phải có lòng khiêm tốn như nhóm người ở Ê-phê-sô, họ biết rằng họ không biết Chúa Thánh Thần, Đấng An Ủi, Cha của kẻ nghèo hèn, Vị Khách dịu ngọt của tâm hồn, Lửa tình yêu, Đấng ban sự sống. Cũng những người dân thành Ê-phê-sô, qua bí tích rửa tội, cũng như qua lời khấn đan tu, Chúa Thánh Thần được ban cho chúng ta, khiến chúng ta tràn đầy niềm vui ca tụng Thiên Chúa và làm cho chúng ta trở nên những ngôn sứ (Cv 19,5-6), nghĩa là những chứng nhân của sự sống mới, sự sống mà Đấng Phục sinh muốn ban tặng cho toàn nhân loại.

Anh chị em rất thân mến, với niềm tri ân, yêu mến và khiêm nhường, tôi muốn hiệp thông cùng anh chị em, và cùng với Đức Maria, để nài xin và đón nhận Đấng Phù Trợ với đôi tay trống rỗng, để toàn dòng của chúng ta, dù có những khác biệt về đặc sủng và luật sống, có thể cống hiến cho thế giới này một nhà Tiệc Ly rộng mở để đón tiếp hết mọi người, và ở nơi đây, Thánh Thần của Chúa Cha và của Chúa Con thật sự trở nên Hồng Ân cho tất cả.

Roma , Lễ Hiện Xuống 2011.



Fr. Mauro-Giuseppe Lepori, O. Cist
Tổng Viện Phụ